

THÔNG BÁO

Về thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025

Mã trường: SPH; Địa chỉ: Số 136 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội; Điện thoại: 0865.911.136;

Website: <https://hnue.edu.vn/>; Chuyên trang tuyển sinh: <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/>; Cổng thông tin tuyển sinh: <https://ts2025.hnue.edu.vn>

I. Đối tượng, điều kiện dự tuyển chung đối với tất cả ngành và phương thức xét tuyển

Thí sinh tính tới thời điểm xác định trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương. Đồng thời, có kết quả rèn luyện (hạnh kiểm) tất cả các học kì cấp THPT đạt mức **Khá** trở lên.

Đối với người nước ngoài, Trường xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT, đạt chuẩn năng lực Tiếng Việt và đáp ứng các quy định khác của Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

II. Các phương thức, điều kiện, tiêu chí xét tuyển

Trường ĐHSP Hà Nội xét tuyển thẳng các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng được quy định tại khoản 1, 2, điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT (Thông báo 487/TB-ĐHSPHN ngày 18/04/2025 của Trường ĐHSP Hà Nội). Sau khi xét tuyển thẳng, Nhà trường xét tuyển số chỉ tiêu tuyển sinh còn lại đối với mỗi ngành đào tạo theo ba phương thức (viết tắt là **PT1, PT2, PT3**).

Thí sinh có thể đăng kí nhiều phương thức xét tuyển vào cùng một ngành. Đối với mỗi phương thức (**PT1/PT2/PT3**), thí sinh có một điểm xét (**ĐX1/ĐX2/ĐX3**); trong đó ĐX2, ĐX3 là các điểm xét quy đổi về cùng thang điểm thi TN THPT của điểm xét ĐX1 theo quy định của Bộ GDĐT. Thang điểm 30 của 3 môn thi TN THPT (không nhân hệ số) được quy định là thang điểm chung để xác định các điểm xét quy đổi đối với tất cả ba phương thức xét tuyển.

Đối với một ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét tuyển bình đẳng dựa trên **điểm xét theo một thang điểm chung**, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào. Hệ thống xét tuyển theo từng ngành đào tạo, tự động lấy điểm lớn nhất trong số các điểm xét (ĐX1, ĐX2, ĐX3) mà thí sinh đã đăng kí dự tuyển (điểm xét ưu thế nhất, có lợi nhất cho thí sinh) để xét từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu của mỗi ngành.



Phương thức xét tuyển	Phạm vi tuyển sinh	Số nguyện vọng xét tuyển và điểm xét ĐX1, ĐX2, ĐX3 theo thang điểm chung
Phương thức 1 (PT1). Xét kết quả thi TN THPT năm 2025	Tất cả ngành, chương trình đào tạo.	- Thí sinh được đăng ký nhiều nguyện vọng xét tuyển theo PT1 trên Hệ thống của Bộ GDĐT. - Điểm xét theo PT1 – ĐX1 Điểm xét ĐX1 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi TN THPT (theo quy định của từng ngành đào tạo), được cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. Đối với các ngành năng khiếu (GDMN, GDMN – SPTA, GDTC, SPAN, SPMT), xét điểm tổ hợp 3 môn bao gồm môn thi TN THPT và môn thi năng khiếu. Đối với một ngành có từ hai tổ hợp môn xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét theo tổ hợp tương ứng, trong đó ĐX1 là điểm lớn nhất (<i>điểm xét ưu thế nhất theo PT1, có lợi nhất cho thí sinh</i>).
Phương thức 2 (PT2). Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội	Tất cả ngành, chương trình đào tạo.	- Thí sinh phải đăng kí dự tuyển theo PT2 trên Hệ thống của Trường với duy nhất một nguyện vọng xét tuyển; đồng thời phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển này trên Hệ thống của Bộ GDĐT. - Điểm xét theo PT2 – ĐX2 Điểm xét ĐX2 (thang điểm 30) là được xác định dựa trên <i>hồ sơ năng lực - thành tích vượt trội</i> theo các quy tắc <i>quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung</i> và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. <i>Quy tắc quy đổi thành tích – điểm số</i> do Hội đồng tuyển sinh quyết định sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.
Phương thức 3 (PT3). Xét kết quả thi ĐGNL - SPT năm 2025	45/50 ngành, chương trình đào tạo.	- Thí sinh phải đăng kí dự thi SPT và dự tuyển theo PT3 trên Hệ thống của Trường với tối đa 02 nguyện vọng xét tuyển. Mặt khác, thí sinh phải đăng ký các nguyện vọng này trên Hệ thống của Bộ GDĐT.

Phương thức xét tuyển	Phạm vi tuyển sinh	Số nguyện vọng xét tuyển và điểm xét ĐX1, ĐX2, ĐX3 theo thang điểm chung
	Trừ các ngành năng khiếu: GDTC, GDMN, GDMN-SPTA, SPAN, SPMT.	- Điểm xét theo PT3 – ĐX3 Điểm xét ĐX3 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi SPT (theo quy định của từng ngành đào tạo) với điểm thi SPT được quy đổi tương đương về thang điểm chung và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. <i>Công thức quy đổi tương đương</i> do Hội đồng tuyển sinh quyết định sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025. Đối với một ngành có từ hai tổ hợp môn xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét theo tổ hợp tương ứng, trong đó ĐX3 là điểm lớn nhất (<i>điểm xét ưu thế nhất theo PT3, có lợi nhất cho thí sinh</i>).

1. PT1 - Xét kết quả thi TN THPT năm 2025

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT1

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT1 cần phải tham dự Kỳ thi TN THPT năm 2025 với các môn thi tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT1 vào ngành, chương trình đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học.

Đối với các ngành năng khiếu: GD Mầm non, GD Mầm non – SP Tiếng Anh, GD Thể chất, SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, thí sinh còn phải tham dự Kỳ thi năng khiếu năm 2025 do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức để lấy điểm thi năng khiếu xét tuyển kết hợp với điểm thi TN THPT. Trường ĐHSP Hà Nội không sử dụng kết quả thi năng khiếu do trường khác tổ chức để xét tuyển.

* Dự kiến tổ chức thi năng khiếu từ 04/7 đến 07/7; công bố kết quả trước 10/7/2025.

Căn cứ ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ GDĐT công bố và phổ điểm thi TN THPT năm 2025, Nhà trường xác định ngưỡng điểm xét tuyển (điểm sàn) vào mỗi ngành đào tạo theo PT1 (thông báo sau).

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX1 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX1 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi TN THPT (theo quy định của từng ngành đào tạo) và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Đối với các ngành năng khiếu, xác định điểm xét ĐX1 theo tổ hợp 3 môn bao gồm môn thi TN THPT và môn thi năng khiếu. Theo đó, các bài thi năng khiếu được đánh giá theo thang điểm tương đương với thang điểm 10 của bài thi TN THPT.

Đối với một ngành có từ hai tổ hợp xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét khác nhau theo các tổ hợp tương ứng, trong đó **ĐX1** là điểm lớn nhất (điểm xét ưu thế nhất theo PT1, có lợi nhất cho thí sinh). Không có chênh lệch giữa điểm chuẩn các tổ hợp xét tuyển theo PT1.

c) Dự kiến kế hoạch xét tuyển theo PT1

- Đăng kí dự tuyển theo PT1 trên Hệ thống của Bộ GDĐT: Từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025. Thí sinh có thể đăng kí dự tuyển theo PT1 vào nhiều ngành khác nhau (không giới hạn số nguyện vọng xét tuyển).

- Công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: 22/8/2025.

2. PT2 - Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT2

Trường ĐHSP Hà Nội quy định các điều kiện ưu tiên xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và yêu cầu đầu vào của mỗi ngành đào tạo; phân loại theo ba diện:

- **Diện A**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào tất cả các ngành, trừ GD thể chất và SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật;
- **Diện N**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật;
- **Diện T**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào ngành GD Thể chất.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện A

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng kí dự tuyển theo PT2 – **Diện A** cần *tốt nghiệp THPT trong năm 2025, có kết quả rèn luyện (hạnh kiểm) tất cả 06 học kì cấp THPT đạt mức **Tốt**, có kết quả học tập (học lực) cả 03 năm cấp THPT đạt mức **Tốt (Giỏi)*** và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
A4	Hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 tại trường thực hành sư phạm trực thuộc Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh hoặc theo hệ không chuyên tại trường THPT Chuyên.	A4.4		t_{10}
	Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG THPT (dành cho HS lớp 12) hoặc cuộc thi NCKHKT (dành cho HS THPT) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)/trường đại học.	A4.3	Giải Ba	t_9
		A4.2	Giải Nhì	t_8
		A4.1	Giải Nhất	t_7
A3	Hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 theo hệ chuyên tại trường THPT chuyên.			t_6
A2	Đáp ứng diện A3 nhưng chưa đến A1, đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG THPT (dành cho lớp 12) hoặc cuộc thi NCKHKT (dành cho HS THPT) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)/trường đại học.	A2.3	Giải Ba	t_5
		A2.2	Giải Nhì	t_4
		A2.1	Giải Nhất	t_3
A1	Tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia THPT hoặc cuộc thi NCKHKT cấp quốc gia dành cho HS THPT.	A1.2	Không đoạt giải	t_2
		A1.1	Giải khuyến khích/ Giải Tư trở lên	t_1

* Viết tắt: HSG = học sinh giỏi, NCKHKT = nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

* Công nhận kết quả kỳ thi chọn HSG cấp THPT cấp trường đại học được tổ chức bởi trường đại học có thành lập đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia THPT, bao gồm: Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐH Vinh, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh).

* Dự án NCKHKT đạt giải cần phù hợp với ngành đào tạo mà thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2.

* Thời gian tham dự, đoạt giải các kỳ thi, cuộc thi không quá 03 năm tính tới ngày 19/5/2025.

* Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 < t_{10} < t_9 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các điểm quy đổi thành tích t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện N vào ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 – **diện N** cần *tốt nghiệp THPT trong năm 2023, 2024 hoặc 2025, có kết quả học tập (học lực) các năm cấp THPT đạt mức Khá trở lên* và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
N4	Tham gia Kỳ thi năng khiếu của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2025 và có thành tích vượt trội, thuộc nhóm 5% thí sinh đạt kết quả thi cao nhất.	N4	Chứng nhận kết quả thi năng khiếu cao nhất	t_8
N3	Tốt nghiệp loại Giỏi trình độ Cao đẳng tại trường năng khiếu nghệ thuật.	N3		t_7
N2	Đoạt các giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) về ca, múa, nhạc, mỹ thuật.	N2.3	Huy chương Đồng	t_6
		N2.2	Huy chương Bạc	t_5
		N2.1	Huy chương Vàng	t_4
N1	Đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật.	N1.3	Huy chương Đồng	t_3
		N1.2	Huy chương Bạc	t_2
		N1.1	Huy chương Vàng	t_1

* Thời gian đạt thành tích không quá 04 năm tính tới ngày 10/6/2025.

* Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các điểm quy đổi thành tích t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện T vào ngành GD Thể chất

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 - **diện T** cần *tốt nghiệp THPT trong năm 2023, 2024 hoặc 2025, có kết quả học tập (học lực) cả 03 năm cấp THPT đạt mức Khá* trở lên và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
T4	Tham gia Kỳ thi năng khiếu của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2025 và có thành tích vượt trội, thuộc nhóm 5% thí sinh đạt kết quả thi cao nhất.	T4	Chứng nhận kết quả thi năng khiếu cao nhất	t_{10}
T3	Đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương), có chứng nhận thành tích của Sở GDĐT.	T3.3	Huy chương Đồng	t_9
		T3.2	Huy chương Bạc	t_8
		T3.1	Huy chương Vàng	t_7

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
T2	Đạt tiêu chuẩn vận động viên cấp 1 quốc gia (có quyết định công nhận của Cục Thể dục thể thao) hoặc đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông toàn quốc (có chứng nhận thành tích của Bộ GDĐT).	T2.3	Huy chương Đồng	t_6
		T2.2	Huy chương Bạc	t_5
		T2.1	Huy chương Vàng hoặc <i>VĐV cấp 1 quốc gia</i>	t_4
T1	Đạt tiêu chuẩn kiện tướng quốc gia (có quyết định công nhận của Cục Thể dục thể thao) hoặc đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm.	T1.3	Huy chương Đồng	t_3
		T1.2	Huy chương Bạc	t_2
		T1.1	Huy chương Vàng hoặc <i>Kiến tướng quốc gia</i>	t_1

* Thời gian đạt thành tích không quá 04 năm tính tới ngày 10/6/2025.

* Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 < t_{10} < t_9 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các điểm quy đổi thành tích t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX2 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX2 (thang điểm 30) là điểm số được xác định dựa trên hồ sơ năng lực - thành tích vượt trội theo các quy tắc quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Quy tắc quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung do Hội đồng tuyển sinh quyết định sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025, bao gồm các tham số:

- Điểm quy đổi thành tích t , thí sinh có thành tích càng cao thì có tham số t càng lớn ($15 < t < 30$).

- Điểm khuyến khích n_1 là điểm cộng khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (đủ bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) theo quy định cụ thể của mỗi ngành ($n_1 \leq 1$). Thời gian cấp chứng chỉ không quá 02 năm tính tới ngày 10/6/2025. Nếu không có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đáp ứng quy định cụ thể của mỗi ngành thì thí sinh vẫn được dự tuyển theo PT2 nhưng không được xét cộng điểm khuyến khích n_1 .

- Điểm khuyến khích n_2 là điểm cộng khuyến khích đối với thí sinh có điểm trung bình môn cả năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 đạt từ 8.0 điểm trở lên đối với tổ hợp 3 môn theo quy định cụ thể của mỗi ngành ($n_2 \leq 1$). Nếu không học đủ ba môn này trong cả 03 năm cấp THPT

hoặc có ít nhất 1 môn có 1 năm học không đạt điểm TBC là 8.0 thì thí sinh vẫn được dự tuyển theo PT2 nhưng không được xét cộng điểm khuyến khích n_2 .

- Hệ số học vấn h tỉ lệ với trung bình điểm thi TN THPT môn Toán và Ngữ văn (hai môn bắt buộc). Đối với các thí sinh có cùng điểm quy đổi thành tích t , thí sinh có hệ số h càng cao thì có điểm xét ĐX2 càng lớn. Đối với các thí sinh có cùng hệ số h , thí sinh có điểm quy đổi thành tích t càng cao thì có điểm xét ĐX2 càng lớn.

Việc xác định các tham số quy đổi đảm bảo nguyên tắc:

- Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt điểm tối đa của thang điểm xét (30 điểm), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm khuyến khích, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

- Có tính đến tương quan kết quả học tập năm thứ nhất tại Trường ĐHSP Hà Nội của nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT1 (xét điểm thi TN THPT) và nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT2 (xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội). Trường ưu tiên xét tuyển theo phương thức mà sinh viên trúng tuyển có kết quả học tập tốt hơn.

c) Dự kiến kế hoạch xét tuyển theo PT2

- Đăng kí dự tuyển theo PT2 trên Hệ thống của Trường tại địa chỉ: <https://ts2025.hnue.edu.vn/> từ 10/6/2025 đến 10/7/2025 với duy nhất 01 nguyện vọng xét tuyển.

Tiếp theo, thí sinh phải **đăng ký nguyện vọng xét tuyển này** trên Hệ thống của Bộ GDĐT từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025. Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ quy định này.

- Công bố quy tắc quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung: trước 17h00 ngày 23/7/2025.

- Công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: trước 17h00 ngày 22/8/2025.

3. PT3 - Xét kết quả thi ĐGNL - SPT năm 2025

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT3

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng kí dự tuyển theo PT3 vào Trường ĐHSP Hà Nội cần phải tham dự Kỳ thi SPT năm 2025 với các môn thi (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử hoặc Địa lí) tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT3 vào ngành, chương trình đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học.

* Thí sinh nếu đã dự thi ĐGNL chuyên biệt năm 2025 do Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh tổ chức trước ngày 19/5/2025 và không dự thi Kỳ thi SPT thì có thể đăng ký sử dụng kết quả thi ĐGNL chuyên biệt để xét tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội theo PT3.

Thí sinh dự tuyển vào ngành đào tạo giáo viên theo PT3 phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực lớp 12 xếp loại Giỏi) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

* Căn cứ điểm sàn xét tuyển theo PT1, Nhà trường xác định ngưỡng điểm xét tuyển vào mỗi ngành theo PT3 (thông báo sau).

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX3 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX3 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi SPT (theo quy định của từng ngành đào tạo) với điểm thi SPT được quy đổi tương đương về thang điểm chung và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Việc quy đổi điểm tổ hợp 3 môn thi SPT về thang điểm thi TN THPT đảm bảo các nguyên tắc:

- Dựa trên tương quan so sánh dữ liệu điểm thi của tổ hợp tương ứng giữa hai kỳ thi SPT và TN THPT.

- Không làm thay đổi thứ tự xếp hạng theo điểm tổ hợp 3 môn giữa các thí sinh sau khi quy đổi.

- Có tính đến tương quan kết quả học tập năm thứ nhất tại Trường ĐHSP Hà Nội của nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT1 (xét điểm thi TN THPT) và nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT3 (xét điểm thi SPT). Trường ưu tiên xét tuyển theo phương thức mà *sinh viên trúng tuyển có kết quả học tập tốt hơn*.

* Công thức quy đổi tương đương do Hội đồng tuyển sinh quyết định khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025 (thông báo sau).

Đối với một ngành có từ hai tổ hợp xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét khác nhau theo các tổ hợp tương ứng, trong đó **ĐX3** là điểm lớn nhất (điểm xét ưu thế nhất theo PT3, có lợi nhất cho thí sinh). *Không* có chênh lệch giữa điểm chuẩn các tổ hợp xét tuyển theo PT3.

c) Dự kiến kế hoạch xét tuyển theo PT3

- Đăng ký dự thi SPT và xét tuyển theo PT3 trên Hệ thống của Trường tại địa chỉ: <https://ts2025.hnue.edu.vn/> từ 15/3 đến 15/4/2025 với tối đa 02 nguyện vọng xét tuyển.

Tiếp theo, thí sinh phải **đăng ký các nguyện vọng này** trên Hệ thống của Bộ GDĐT từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025; đảm bảo ngành và thứ tự ưu tiên **trùng khớp** với đăng ký trên Hệ thống của Trường. Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ quy định này.

* Đối với thí sinh đăng ký hai nguyện vọng xét tuyển theo PT3, nếu thí sinh trúng tuyển ở nguyện vọng 1 thì sẽ không xét tuyển nguyện vọng 2; nếu nguyện vọng 1 không trúng tuyển thì nguyện vọng 2 được xét tuyển như nguyện vọng 1 

- Tổ chức thi SPT từ 17/5 đến 18/5; công bố kết quả thi trước 15/6/2025 trên Hệ thống của Trường.
- Công bố công thức quy đổi tương đương điểm thi SPT (theo tổ hợp) về thang điểm chung: trước 17h00 ngày 23/7/2025.
- Công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: trước 17h00 ngày 22/8/2025.

III. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức, điều kiện, tổ hợp xét tuyển theo ngành, chương trình đào tạo

Năm 2025, Trường ĐHSP Hà Nội dự kiến tuyển 4995 sinh viên vào 50 ngành, chương trình đào tạo đại học chính quy thuộc 09 lĩnh vực, trong đó có **5 ngành mới**: Công nghệ sinh học, Vật lý học (vật lý bán dẫn và kỹ thuật), Lịch sử, Xã hội học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.

1. Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n₁</i>		
1.	Quản lý giáo dục <i>Mã ngành: 7140114 Dự kiến chỉ tiêu: 84</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Giáo dục KTPL	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Lịch sử
2.	GD Mầm non <i>Mã ngành: 7140201 Dự kiến chỉ tiêu: 150</i>	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	<i>Không xét tuyển</i>
3.	GD Mầm non - SP Tiếng Anh <i>Mã ngành: 7140201 Dự kiến chỉ tiêu: 50</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu - Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu	<i>Không xét tuyển</i>
4.	GD Tiểu học	Toán, Ngữ văn,	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	ELTS ≥ 6.0 ;	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển</i> (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển</i> (môn thi ĐGNL - SPT)
		<i>Đội tuyển HSG</i> <i>- ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn</i> <i>- xét cộng điểm khuyến khích n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế</i> <i>- xét cộng điểm khuyến khích n₁</i>		
	Mã ngành: 7140202 Dự kiến chỉ tiêu: 150	Tiếng Anh		TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600		
5.	GD Tiểu học - SP Tiếng Anh Mã ngành: 7140202 Dự kiến chỉ tiêu: 50	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	ELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
6.	GD đặc biệt Mã ngành: 7140203 Dự kiến chỉ tiêu: 56	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
7.	GD công dân Mã ngành: 7140204 Dự kiến chỉ tiêu: 100	Tất cả các đội tuyển	Giáo dục KTPL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Lịch sử - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Địa lí - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
8.	GD chính trị Mã ngành: 7140205 Dự kiến chỉ tiêu: 40	Tất cả các đội tuyển	Giáo dục KTPL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Lịch sử - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Địa lí - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
9.	GD thể chất	Theo quy định riêng	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ;	- Toán, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m)	Không xét tuyển

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
	Mã ngành: 7140206 Dự kiến chỉ tiêu: 90			TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m)	
10.	GD Quốc phòng và An ninh Mã ngành: 7140208 Dự kiến chỉ tiêu: 60	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
11.	SP Toán học Mã ngành: 7140209 Dự kiến chỉ tiêu: 250	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Vật lí, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán $\times 2$, Vật lí, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh
12.	SP Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh) Mã ngành: 7140209 Dự kiến chỉ tiêu: 60	Toán, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Tiếng Anh, Vật lí - Toán $\times 2$, Tiếng Anh, Ngữ văn	- Toán $\times 2$, Tiếng Anh, Vật lí - Toán $\times 2$, Tiếng Anh, Ngữ văn
13.	SP Tin học Mã ngành: 7140210 Dự kiến chỉ tiêu: 120	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh
14.	SP Vật lí Mã ngành: 7140211	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
	<i>Dự kiến chỉ tiêu: 50</i>					
15.	SP Vật lý <i>(dạy Vật lý bằng tiếng Anh)</i> Mã ngành: 7140211 <i>Dự kiến chỉ tiêu: 20</i>	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh
16.	SP Hoá học Mã ngành: 7140212 <i>Dự kiến chỉ tiêu: 50</i>	Hóa học, Toán, Vật lý	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học
17.	SP Hoá học <i>(dạy Hóa học bằng tiếng Anh)</i> Mã ngành: 7140212 <i>Dự kiến chỉ tiêu: 20</i>	Hóa học, Toán, Vật lý	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Hoá học, Tiếng Anh	Toán, Hoá học, Tiếng Anh
18.	SP Sinh học Mã ngành: 7140213 <i>Dự kiến chỉ tiêu: 70</i>	Sinh học, Hóa học, Vật lý, NCKHKT	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh
19.	SP Ngữ văn Mã ngành: 7140217 <i>Dự kiến chỉ tiêu: 300</i>	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
20.	SP Lịch sử Mã ngành: 7140218 <i>Dự kiến chỉ tiêu: 85</i>	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
21.	SP Địa lí Mã ngành: 7140219 Dự kiến chỉ tiêu: 90	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Ngữ văn, Địa lí. - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	- Toán, Ngữ văn, Địa lí. - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
22.	SP Âm nhạc Mã ngành: 7140221 Dự kiến chỉ tiêu: 90	Theo quy định riêng	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Hát), NK2 (Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Đọc nhạc) - Ngữ văn, NK1 (Hát), NK2 (Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Đọc nhạc)	Không xét tuyển
23.	SP Mỹ thuật Mã ngành: 7140222 Dự kiến chỉ tiêu: 80	Theo quy định riêng	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Hình họa), NK2 (Trang trí) - Ngữ văn, NK1 (Hình họa), NK2 (Trang trí)	Không xét tuyển
24.	SP Tiếng Anh Mã ngành: 7140231 Dự kiến chỉ tiêu: 160	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.5 ; TOEFL iBT ≥ 79	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$
25.	SP Tiếng Pháp Mã ngành: 7140233 Dự kiến chỉ tiêu: 35	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ;	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp $\times 2$ - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
				DELTA từ B1 trở lên (DELTA B1 tout public hoặc junior), TCF ≥ 300		
26.	SP Công nghệ <i>Mã ngành: 7140246 Dự kiến chỉ tiêu: 100</i>	Toán, Vật lí, Công nghệ, Tin học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Công nghệ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Công nghệ	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh
27.	SP Khoa học tự nhiên <i>Mã ngành: 7140247 Dự kiến chỉ tiêu: 70</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học	Vật lí, Hóa học, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học
28.	SP Lịch sử - Địa lí <i>Mã ngành: 7140249 Dự kiến chỉ tiêu: 85</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

* Đối với các ngành đào tạo giáo viên, Nhà trường cập nhật chỉ tiêu chính thức sau khi nhận được Công văn của Bộ GDĐT về phân bổ số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2025.

* Thí sinh trúng tuyển các ngành SP Tin học, SP Sinh học sau khi nhập học nếu có nguyện vọng thì có thể đăng kí dự tuyển vào học chương trình đào tạo giáo viên dạy bằng tiếng Anh: SP Tin học (dạy Tin học bằng tiếng Anh), SP Sinh học (dạy Sinh học bằng tiếng Anh).

* Sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên của Trường ĐHSP Hà Nội được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (*nếu đăng kí và cam kết phục vụ trong ngành giáo dục*). Nếu sinh viên không đăng kí hưởng hỗ trợ sẽ tự túc nộp học phí theo quy định của Trường. Trong bảng trên, chỉ có ngành Quản lí giáo dục không phải là ngành đào tạo giáo viên.

2. Lĩnh vực nhân văn

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n₁</i>		
1.	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người Việt Nam (bắt đầu tuyển sinh từ 2025) Mã ngành: 7220101 Dự kiến chỉ tiêu: 60</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
2.	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người nước ngoài (bắt đầu tuyển sinh từ 2025) Mã ngành: 7220101 Dự kiến chỉ tiêu: 20</i>	Theo quy định riêng				
3.	Ngôn ngữ Anh <i>Mã ngành: 7220201 Dự kiến chỉ tiêu: 60</i>	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.5 ; TOEFL iBT ≥ 79	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$
4.	Ngôn ngữ Trung Quốc <i>Mã ngành: 7220204 Dự kiến chỉ tiêu: 45</i>	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Pháp, Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$ - Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$
5.	Triết học <i>(Triết học Mác Lê-nin)</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ;	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
	Mã ngành: 7229001 Dự kiến chỉ tiêu: 195			DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục KTPL	
6.	Lịch sử (bắt đầu tuyển sinh từ 2025) Mã ngành: 7229010 Dự kiến chỉ tiêu: 60	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Toán	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Toán
7.	Văn học Mã ngành: 7229030 Dự kiến chỉ tiêu: 100	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

3. Lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Chính trị học Mã ngành: 7310201 Dự kiến chỉ tiêu: 100	Tất cả các đội tuyển	Giáo dục KTPL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ;	- Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Lịch sử - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Địa lí - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n₁</i>		
				HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp		
2.	Xã hội học <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2025)</i> Mã ngành: 7310301 Dự kiến chỉ tiêu: 80	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục KPTL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
3.	Tâm lý học <i>(Tâm lý học trường học)</i> Mã ngành: 7310401 Dự kiến chỉ tiêu: 180	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí
4.	Tâm lý học giáo dục Mã ngành: 7310403 Dự kiến chỉ tiêu: 70	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí
5.	Việt Nam học <i>- tuyển sinh người Việt Nam</i> Mã ngành: 7310630 Dự kiến chỉ tiêu: 160	Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
6.	Việt Nam học <i>- tuyển sinh người nước ngoài</i> <i>Mã ngành: 7310630</i> <i>Dự kiến chỉ tiêu: 60</i>	<i>Theo quy định riêng</i>				

4. Lĩnh vực khoa học sự sống

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Sinh học Mã ngành: 7420101 Dự kiến chỉ tiêu: 120	Sinh học, Hóa học, Vật lí, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh
2.	Công nghệ sinh học (bắt đầu tuyển sinh từ 2025) Mã ngành: 7420201 Dự kiến chỉ tiêu: 80	Sinh học, Hóa học, Vật lí, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Vật lí	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Vật lí

5. Lĩnh vực khoa học tự nhiên

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Vật lý học (Vật lý bán dẫn và kỹ thuật) (bắt đầu tuyển sinh từ 2025) Mã ngành: 7440102 Dự kiến chỉ tiêu: 120	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Vật lý	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh
2.	Hóa học Mã ngành: 7440112 Dự kiến chỉ tiêu: 150	Hóa học, Toán, Vật lý	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh

6. Lĩnh vực Toán và thống kê

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Toán học Mã ngành: 7460101 Dự kiến chỉ tiêu: 120	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, NCKHKT	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Vật lý, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lý, Tiếng Anh	- Toán $\times 2$, Vật lý, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lý, Tiếng Anh

7. Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Công nghệ thông tin Mã ngành: 7480201 Dự kiến chỉ tiêu: 140	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh

8. Lĩnh vực Dịch vụ xã hội

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Công tác xã hội Mã ngành: 7760101 Dự kiến chỉ tiêu: 200	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục KTPL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
2.	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật Mã ngành: 7760103 Dự kiến chỉ tiêu: 160	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ;	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
				HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp		

9. Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã ngành, dự kiến chỉ tiêu</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
1.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành <i>Mã ngành: 7810103 Dự kiến chỉ tiêu: 150</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử

* Căn cứ đề nghị của các trường dự bị đại học (DBĐH), Trường dành một số chỉ tiêu để xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình DBĐH theo Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về tuyển sinh, bồi dưỡng DBĐH; xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh DBĐH. Thí sinh đã đủ điều kiện trúng tuyển phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GDĐT. Thí sinh đăng kí xét chuyển vào các ngành năng khiếu phải tham gia kỳ thi năng khiếu theo quy định của mỗi ngành.

IV. Trách nhiệm thí sinh

1. Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng kí nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức xét tuyển mà thí sinh không đủ điều kiện dự tuyển.
2. Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng kí thi tuyển, xét tuyển bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có).
3. Hoàn thành thanh toán lệ phí thi tuyển, xét tuyển trong thời gian quy định. Sau khi nộp lệ phí, thí sinh phải giữ lại biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền để Trường đối chiếu khi cần thiết.
4. Kiểm tra lại kỹ lưỡng các thông tin đã khai, các minh chứng đã tải lên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường trước khi nộp hồ sơ thi tuyển, xét tuyển và thanh toán lệ phí. Nếu thông tin đăng kí bị thiếu hoặc sai thì thí sinh chịu hoàn toàn trách nhiệm. Lệ phí đã đóng sẽ không được hoàn trả lại trong bất cứ trường hợp nào.
5. Đồng ý để Trường và các trường đại học đối tác sử dụng thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ cho công tác xét tuyển.
6. Tra cứu thông tin ca thi, phòng thi, số báo danh trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường. Thí sinh phải có trách nhiệm thực hiện đúng thời gian và lịch thi theo quy định của Trường. Nếu vi phạm thì thí sinh sẽ không được dự thi và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
7. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng kí dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.
8. Thí sinh phải đăng kí nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT và Trường ĐHSP Hà Nội.
9. Thí sinh thuộc diện trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Hệ thống của Bộ GDĐT. Sau đó, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Trường và đến Trường nộp hồ sơ nhập học đúng thời gian quy định theo thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Trường. Thí sinh đã xác nhận nhập học nhưng không nộp hồ sơ nhập học sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh đại học năm 2025 của Bộ GDĐT, Trường ĐHSP Hà Nội xây dựng Kế hoạch, hướng dẫn cụ thể theo từng phương thức tuyển sinh và công bố ở các thông báo tiếp theo. /s/

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- TT. CNTT (để đưa lên Cổng thông tin điện tử);
- Các khoa đào tạo;
- Thanh tra giáo dục;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn